

**CÔNG TY TNHH GHTK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GHTK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110805705

**3. Ngày thành lập:** 06/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11 liền kề 31, Khu đô thị Đại học Văn Canh, Xã Văn Canh, Huyện Hoài Đức,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0814207265

Fax:

Email: [Tnhhghstkvn@gmail.com](mailto:Tnhhghstkvn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                           | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 3.  | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                            | 4311        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                              | 4329        |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                         | 4390        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 10. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 11. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>( trừ thuốc)                                                                                                                                                                                          | 4649        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>( trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                        | 4711(Chính) |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                          | 4719        |
| 16. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4753        |
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4759        |
| 18. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí )                                                                                                                                      | 4773        |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                | 4791        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM MINH HẠNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/04/1994 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020194009739

Ngày cấp: 02/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Hữu Nghị, Thị Trấn Đồng Mỏ, Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Hữu Nghị, Thị Trấn Đồng Mỏ, Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM MINH HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/04/1994 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020194009739

Ngày cấp: 02/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Hữu Nghị, Thị Trấn Đồng Mỏ, Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Hữu Nghị, Thị Trấn Đồng Mỏ, Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội